



yào sài
要塞

noun · fortress; stronghold

Example Sentences

zhè zuò gǔ lǎo de yào sài céng jīng shì jūn shì zhòng dì
这座古老的要塞曾经是军事重地。

This ancient fortress was once a key military site.

dí rén shì tú gōng zhàn wǒ men de yào sài dàn méi yǒu chéng gōng
敌人试图攻占我们的要塞，但没有成功。

The enemy tried to capture our stronghold but failed.

Trace each character, then write the word on your own.

要	要	要	要	要	要	要	要	要	要	要
要										
塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞	塞
塞	塞	塞	塞	塞						